

Các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của Hàn Quốc dưới thời lãnh đạo của Tổng thống Park Chung Hee (1963-1979)

Nguyễn Thị Huyền Trang*

Nhận ngày 19 tháng 07 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 10 năm 2023.

Tóm tắt: Trong giai đoạn 1963-1979, dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Park Chung Hee, Hàn Quốc đã đạt được thành tựu phát triển kinh tế vượt bậc, chuyển đổi xã hội nhanh chóng, mở rộng quan hệ đối ngoại. Rất nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đã gọi sự phát triển vượt bậc của Hàn Quốc - quốc gia đầu tiên trên thế giới đi lên từ bần cùng, nghèo đói trở thành một trong những quốc gia phát triển hàng đầu chỉ trong vòng năm mươi năm là “Kỳ tích sông Hàn”. Các kết quả đó phản ánh những thay đổi chính sách, chiến lược phát triển kinh tế và đối ngoại của chính quyền Park Chung Hee. Mục tiêu của bài viết là tìm hiểu những nhân tố ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của chính quyền Park Chung Hee trong giai đoạn này trên cả ba cấp độ: bối cảnh quốc tế, khu vực (cấp độ hệ thống), bối cảnh trong nước (cấp độ quốc gia) và nhân tố cá nhân (cấp độ cá nhân).

Từ khóa: Park Chung Hee, Chính sách đối ngoại, Hàn Quốc.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: During the period of 1963-1979, under the administration of President Park Chung-hee, South Korea achieved remarkable economic development, rapid social transformation, and expanded foreign relations. Many researchers around the world have regarded South Korea's exceptional progress as the “Miracle on the Han River”, as it developed from one of the poorest countries in the world to one of the leading developed countries within just fifty years. These achievements reflected changes in the policies, economic development strategies, and foreign relations pursued by the Park Chung-hee government. The objective of this article is to examine the factors that influenced the foreign policy of the Park Chung-hee government during this period on three levels: international and regional context (the systemic level), domestic context (the national level), and personal factor (the personal level).

Keywords: Park Chung Hee, Foreign Policy, South Korea.

Subject classification: Political Science

1. Đặt vấn đề

Ngày 16/5/1961, Tướng Park Chung Hee tiến hành một cuộc đảo chính quân sự, chính thức trở thành vị tổng thống thứ ba của Hàn Quốc từ năm 1963. Cho đến nay, ông vẫn là một nhân vật gây tranh cãi nhưng là một nhân vật đóng vai trò quan trọng trong lịch sử Hàn Quốc (Podoler, 2016).

Cũng dưới thời Tổng thống Park Chung Hee, đã đánh dấu một sự thay đổi bước ngoặt trong chính sách đối ngoại của Hàn Quốc. Nếu như giai đoạn trước, Hàn Quốc không thiết lập quan hệ ngoại giao với bất kì quốc gia nào có quan hệ với Triều Tiên. Sau năm 1973,

* Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.

Email: trang.nth@tnus.edu.vn

đặc biệt sau Tuyên bố ngày 23/06/1973, Hàn Quốc chủ trương thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước không đối đầu với mình, kể cả những quốc gia có khác biệt về thể chế chính trị. Hàn Quốc đã bắt đầu mở rộng quan hệ với các nước thuộc thế giới thứ ba. Hàn Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 30 quốc gia khác trong những năm 1970 và 22 quốc gia khác trong những năm 1980. Những thay đổi này sau đó đã trở thành cơ sở cho chính sách đối ngoại của Hàn Quốc ngày nay.

Bước sang thế kỷ XXI, Hàn Quốc đã là một nền kinh tế phát triển cao, quan hệ quốc tế mở rộng với gần 200 quốc gia. Để đạt được tất cả những thành tựu đó không thể không nhắc tới những đóng góp to lớn của chế độ Park Chung Hee, đặc biệt là những thay đổi chính sách đối ngoại của ông trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Hàn Quốc. Vậy yếu tố nào đã đóng vai trò quan trọng tác động đến những điều chỉnh chính sách đối ngoại đó của Hàn Quốc? Mục đích của bài nghiên cứu là tìm hiểu các nhân tố đã ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của chính quyền Tổng thống Park Chung Hee (1963-1979), làm tiền đề cho những nghiên cứu sâu hơn về quá trình hoạch định chính sách, quan hệ đối ngoại của Hàn Quốc trong giai đoạn lịch sử quan trọng này và rút ra các bài học kinh nghiệm từ quá khứ để áp dụng cho thời điểm hiện tại, tương lai.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu: nghiên cứu các công trình, sách, báo, tài liệu tham khảo để tìm hiểu các kiến thức lý luận và thực tiễn phục vụ cho nghiên cứu. Phương pháp phân tích và tổng hợp: được sử dụng để nghiên cứu các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của chính quyền Park Chung Hee. Phương pháp lịch sử và logic: sử dụng để nghiên cứu lịch sử phát triển của Hàn Quốc giai đoạn 1963-1979. Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, nghiên cứu về vấn đề trên cả ba cấp độ: cấp độ hệ thống, cấp độ quốc gia, cấp độ cá nhân.

2. Các nhân tố tác động đến chính sách đối ngoại của chính quyền Park Chung Hee giai đoạn 1963-1979

Ngoại giao của một quốc gia là một hình thức phức tạp, trong đó các chiến lược thích hợp nhất được sử dụng để thực hiện các mục tiêu quốc gia dựa trên khả năng của quốc gia đó cũng như trên cơ sở đánh giá các điều kiện ngoại giao xung quanh quốc gia. Chính sách đối ngoại có thể được hiểu là một nỗ lực có mục đích nhằm đảm bảo và tối đa hoá quyền tự chủ chiến lược của quốc gia, và việc vận hành chính sách đối ngoại phải bắt đầu từ việc nhận thức về các điều kiện bên trong và bên ngoài đất nước, phù hợp với triển vọng và tầm nhìn của quốc gia đó.

2.1. Nhân tố bối cảnh quốc tế và khu vực

Park Chung Hee lên nắm quyền vào năm 1963 trong một bối cảnh quốc tế đầy thách thức và biến đổi. Những thay đổi có tính chiến lược trong chính sách đối ngoại của Hàn Quốc bị tác động rất lớn bởi sự biến động của cấu trúc quốc tế tại thời điểm đó.

2.1.1. Bối cảnh Chiến tranh Lạnh và xu hướng hình thành trật tự thế giới mới

2.1.1.1. Giai đoạn từ năm 1960 đến đầu những năm 1970

Trong những năm 1960-1970, quan hệ quốc tế vẫn xoay quanh trục chính của trật tự thế giới hai cực Yalta, mối mâu thuẫn giữa hai cực tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa vẫn

chi phối tình hình chung giữa các nước, đứng đầu là hai siêu cường đại diện cho hai cực là Mỹ và Liên Xô. Thời điểm Park Chung Hee lên nắm quyền diễn ra trong giai đoạn đỉnh điểm của Chiến tranh Lạnh giữa Liên Xô và Mỹ. Khu vực Đông Á trở thành một trong những mặt trận quan trọng trong cuộc chạy đua vũ trang và đối đầu giữa hai siêu cường. Bối cảnh này tạo ra một môi trường không ổn định và căng thẳng, ảnh hưởng đến lựa chọn chính sách đối ngoại của Hàn Quốc. Trong bối cảnh này, Park Chung Hee đặt mục tiêu trọng tâm của chính sách đối ngoại là tạo ra một môi trường an ninh và ổn định cho Hàn Quốc. Ông tập trung vào việc tăng cường quân lực và phát triển kinh tế để nâng cao địa vị quốc gia, tăng cường quan hệ với Mỹ, tìm kiếm sự hỗ trợ và bảo vệ an ninh từ đồng minh quan trọng này. Tuy nhiên, do áp lực và căng thẳng từ cuộc chiến tranh Lạnh, Park Chung Hee cũng đối mặt với những thách thức và hạn chế trong việc tiếp cận và tìm kiếm hòa giải với Triều Tiên. Môi trường quốc tế không ổn định và căng thẳng làm cho việc thực hiện các cuộc đối thoại và đạt được thỏa thuận trở nên khó khăn. Vì vậy, trong giai đoạn đầu của chính quyền Park Chung Hee, ưu tiên chính của ông là tạo ra một môi trường an ninh và phát triển kinh tế cho Hàn Quốc, trong khi vẫn phải đối mặt với ảnh hưởng và hạn chế từ cuộc chiến tranh Lạnh và tình hình căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên.

2.1.1.2. Giai đoạn sau năm 1970

Trong giai đoạn này, sự vươn lên phát triển của một số nước Tây Âu, châu Á, châu Phi và Mỹ Latin cũng đã khiến tình hình thế giới xoa dịu căng thẳng, xu hướng hòa hoãn, hòa bình khi giải quyết tranh chấp đã dần được chấp nhận giữa các nước, kể cả Mỹ và Liên Xô.

Những thay đổi lớn đã diễn ra liên tiếp trên thế giới kể từ đầu những năm 1970. Bao gồm những diễn biến mới trong quan hệ Mỹ - Trung và Mỹ - Xô, tình trạng bất ổn và cải cách hệ thống tiền tệ quốc tế, chiến tranh Trung Đông lần thứ tư và cuộc khủng hoảng dầu mỏ sau đó, gia tăng những khó khăn khác nhau trong nền kinh tế quốc tế, và những thay đổi mạnh mẽ của tình hình ở Đông Dương.

Xu hướng hoà hoãn Đông Tây đã xuất hiện với những cuộc gặp gỡ thương lượng Liên Xô - Mỹ. Chiến tranh Lạnh đi vào giai đoạn hòa hoãn với nhiều sự thay đổi chính trị của các bên tham chiến (Mỹ bắt đồng với Pháp, Đức và Nhật thu hẹp khoảng cách kinh tế; Liên Xô mâu thuẫn với Trung Quốc, gặp nhiều vấn đề nội bộ trong phe xã hội chủ nghĩa), đặc biệt sau “cú sốc” khủng hoảng dầu mỏ 1973.

Quan hệ giữa Mỹ với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và giữa Mỹ với Liên Xô, bắt đầu phát triển mạnh mẽ vào năm 1971, tiếp tục được củng cố hơn nữa, do đó có ảnh hưởng sâu rộng đối với thế giới. Một trong những thay đổi chính là xu hướng rõ rệt hướng tới đa cực hoá các quan hệ quốc tế. Ngoài Mỹ và Liên Xô, vị thế của Nhật Bản, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, các nước châu Âu và nhiều khu vực khác cũng đã được nâng cao. Trong khi đó, vẫn có sự đan xen giữa các động thái nhằm giảm bớt căng thẳng và các động thái nhằm duy trì hoặc gia tăng căng thẳng. Những diễn biến này đã ảnh hưởng đến các khu vực với những mức độ khác nhau.

Ngoài ra, không thể không nhắc đến tầm quan trọng ngày càng tăng của vấn đề kiểm soát hạt nhân. Những tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ hạt nhân tác động cơ bản đến bản chất các quan hệ quốc tế giai đoạn này. Không một quốc gia nào có thể đảm bảo an ninh của chính mình, theo nghĩa thông thường của từ này, trong trường hợp xảy ra chiến tranh

hạt nhân tổng lực. Cả Mỹ và Liên Xô đều không thể được coi là ngoại lệ. Không thể phủ nhận rằng khả năng răn đe hạt nhân này là nhân tố cơ bản ngăn chặn sự bùng nổ xung đột vũ trang trực tiếp giữa phương Đông và phương Tây và duy trì thế cân bằng giữa hai bên. Tuy nhiên, khả năng răn đe hạt nhân không phải là tuyệt đối hay bất biến. Trong những trường hợp này, tầm quan trọng của việc kiểm soát hạt nhân về cả mục đích quân sự và mục đích hòa bình đang trở nên lớn hơn bao giờ hết. Vì vậy, làm thế nào để thực hiện kiểm soát hạt nhân hiệu quả, đặc biệt là làm thế nào để thúc đẩy giải trừ vũ khí hạt nhân đồng thời chú ý đến sự cân bằng về sức mạnh quân sự và khả năng răn đe giữa các quốc gia, là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng mà cộng đồng quốc tế phải giải quyết.

Bên cạnh đó, tầm quan trọng của quan hệ Bắc - Nam ngày càng tăng. Quan hệ Bắc - Nam cũng chứa đựng một khía cạnh của quan hệ Đông - Tây. Mặc dù các quốc gia ở phía Nam có mối quan hệ kinh tế chặt chẽ với các quốc gia ở phương Tây, nhưng xu hướng ngày càng tăng mà các quốc gia hướng tới là một lập trường chính trị độc lập, không phụ thuộc về mặt chính trị của các quốc gia phương Đông hay phương Tây. Tiêu biểu kể đến là phong trào không liên kết.

2.1.2. Chuyển đổi của nền kinh tế thế giới

Cuộc đối đầu Đông - Tây, vốn đã duy trì hơn một phần tư thế kỷ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đã có những thay đổi nhất định, không chỉ trên lĩnh vực chính trị quốc tế mà còn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. Quan hệ quốc tế đã trở nên phức tạp hơn bởi sự gia tăng tầm quan trọng tương đối của các vấn đề kinh tế quốc tế và bởi thực tế là các vấn đề kinh tế có xu hướng trở thành vấn đề chính trị với sự gia tăng phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Nền kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng và mở rộng sau Chiến tranh thế giới thứ hai theo các nguyên tắc của một nền kinh tế tự do và mở được thể hiện trong hệ thống IMF-GATT. Quá trình này chứng kiến sự gia tăng sức mạnh kinh tế của Tây Âu và Nhật Bản, đồng thời là sự suy giảm tương đối về vị thế kinh tế của Mỹ, cũng như sự khác biệt ngày càng lớn về sức mạnh kinh tế không chỉ giữa các nước phát triển mà còn giữa các nước phía Bắc và phía Nam. Chính sách kinh tế mới của Mỹ vào tháng 8 năm 1971 và cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 đã làm xáo trộn nghiêm trọng trật tự tiền tệ và thương mại thế giới, thúc đẩy quá trình chuyển đổi của nền kinh tế thế giới. Vấn đề trung tâm trong kinh tế quốc tế giai đoạn này là làm thế nào để khắc phục đồng thời suy thoái và lạm phát, đưa kinh tế thế giới và thương mại thế giới trở lại con đường tăng trưởng ổn định. Để đạt được mục tiêu này, vào thời điểm mà sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế quốc gia đã trở thành một thực tế không thể chối cãi, tất cả các nước cần phải thúc đẩy hợp tác quốc tế bằng cách vượt qua sự khác biệt về vị trí, trình độ phát triển kinh tế, hệ thống chính trị và kinh tế.

Một mạng lưới quan hệ mới và phức tạp hơn trong cộng đồng quốc tế đang nổi lên do xu hướng ngày càng tăng của các quốc gia theo đuổi lợi ích quốc gia bằng cách vượt ra ngoài khuôn khổ của các nhóm truyền thống. Trong hoàn cảnh đó, cần có một thái độ linh hoạt hơn và tầm nhìn rộng hơn bao giờ hết trong quan hệ đối ngoại, cũng như những nỗ lực lớn hơn nữa để duy trì ổn định quốc tế.

Những mối lo về sự mở rộng và phổ biến vũ khí hạt nhân, vấn đề ngân sách đầu tư cho quốc phòng, cộng với tình hình kinh tế bất ổn được cho là những nguyên nhân chính tạo

nên và duy trì giai đoạn hòa hoãn này. Ít nhiều bị ảnh hưởng bởi những diễn biến này, nhiều quốc gia đã phản ứng theo nhiều cách khác nhau trong nỗ lực điều chỉnh chính sách của mình trước sự thay đổi của môi trường quốc tế.

Tại châu Á, Bán đảo Triều Tiên nằm ở trung tâm của dòng xoáy đó. Xét đến thực tế rằng bản thân cuộc chiến tranh Triều Tiên là kết quả của Chiến tranh Lạnh và Hàn Quốc được hưởng hoà bình trong thời kỳ chiến tranh xen kẽ đã được duy trì trên cân cân quyền lực trong quan hệ quốc tế. Hàn Quốc cũng không thể thoát khỏi ảnh hưởng của những thay đổi này trên cả lĩnh vực chính trị và kinh tế. Chiến tranh Lạnh, xu hướng hình thành trật tự thế giới mới, những chuyển đổi của nền kinh tế thế giới một mặt tạo ra những khó khăn, thách thức, bất ổn, nhưng mặt khác xu hướng hoà hoãn cho phép Hàn Quốc khai thác cơ hội để mở rộng quan hệ đối tác và phát triển kinh tế. Trên bán đảo Triều Tiên, trong khi cả Triều Tiên và Hàn Quốc đều ở trong tình thế khó có thể phản ứng ngay lập tức trước các động thái hướng tới giảm căng thẳng ở châu Á, các nỗ lực đã được hai bên thực hiện để bắt đầu nối lại các cuộc đối thoại, các cuộc đàm phán, hoặc các liên kết xã hội (Ministry of Foreign Affairs Japan, 1972), trong đó nổi bật là các cuộc đàm phán của Hội chữ thập đỏ Nam - Bắc về thống nhất đất nước. Hàn Quốc đã chủ động tham gia vào chính sách hòa giải và hợp tác khu vực, tập trung vào việc phát triển kinh tế và xây dựng một nền tảng vững chắc cho đất nước. Các chính sách công nghiệp hóa và xuất khẩu đã được thúc đẩy, giúp Hàn Quốc trở thành một trong những quốc gia phát triển nhanh chóng.

2.1.3. Những thay đổi chiến lược của Mỹ

Trong giai đoạn này, Mỹ cũng có những điều chỉnh chính sách quan trọng đối với châu Á. Đây là những nhân tố không thể bỏ qua với những tác động lớn đối với việc hoạch định chính sách đối ngoại của Hàn Quốc.

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ đang phải đối mặt với những khó khăn nội bộ nghiêm trọng trong thời gian dài, ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng viện trợ của Mỹ cho Hàn Quốc.

Sau khi Tổng thống Mỹ - Richard Nixon lên nắm quyền, 25 tháng 7 năm 1969, Mỹ đã công bố Học thuyết Nixon. Mỹ tìm cách sử dụng ngoại giao quyền lực lớn để xoa dịu căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên. Tổng thống Mỹ Richard Nixon tuyên bố rằng từ thời điểm này về sau, Mỹ mong đợi các đồng minh châu Á của mình có trách nhiệm tự bảo đảm an ninh quân sự của họ. Một nội dung quan trọng của Học thuyết này, ông đảm bảo với các đồng minh của Mỹ ở châu Á rằng “Chúng tôi (Mỹ) sẽ giữ các cam kết quốc tế của mình”. Tuy nhiên, “trong chừng mực các vấn đề quân sự, ngoại trừ mối đe dọa của một cường quốc có liên quan đến vũ khí hạt nhân,” Mỹ sẽ áp dụng một lập trường khác. Theo đó, về quốc phòng quân sự, giờ đây Mỹ “khuyến khích và có quyền hy vọng rằng bản thân các quốc gia châu Á sẽ ngày càng có trách nhiệm và tự mình giải quyết vấn đề này.” Nixon kết luận rằng các cuộc đàm phán gần đây của ông với một số nhà lãnh đạo châu Á đã chỉ ra rằng “Họ (các nước châu Á) sẽ sẵn sàng gánh vác trách nhiệm này” (History.com Editors, 2009).

Cùng thời điểm đó, Park Chung Hee cũng phải đối mặt với những chỉ trích ngày càng tăng ở Mỹ về những quyết định chính trị trong nước của mình. Theo đó, chính sách chính trị độc tài, chính sách đối nội hạn chế, chính sách đàn áp và các vấn đề liên quan đến

quyền con người tại Hàn Quốc được đưa ra tại các phiên điều trần trước Quốc hội Mỹ. Quốc hội Mỹ quan ngại nghiêm trọng về các vi phạm nhân quyền của chính quyền Park Chung Hee.

Mối quan hệ Seoul - Washington tụt xuống mức thấp nhất chưa từng có vào những năm cuối của thập niên 1970. Việc nhấn mạnh đến vấn đề đạo đức, nhân quyền của chính quyền Carter đã tạo thêm những thách thức cho chính sách đối ngoại của Hàn Quốc. Việc công khai rộng rãi về các vi phạm nhân quyền, hối lộ của Hàn Quốc đã làm tổn hại nghiêm trọng đến hình ảnh quốc tế của quốc gia này và làm xói mòn đáng kể sự ủng hộ của công chúng Mỹ với chính phủ Hàn Quốc, đặc biệt trong giới báo chí, các tổ chức tôn giáo, quốc hội. Thế tiến thoái lưỡng nan cố hữu mà Hàn Quốc phải đối mặt với tư cách là một đồng hình nhỏ hơn là nhận được sự hỗ trợ mà không có sự can thiệp quá mức từ đồng minh lớn hơn - Mỹ (Astri Suhrke, 1973: 508-532).

2.2. Nhân tố bối cảnh trong nước

Các “biến số” trong nước được xem là một trong những yếu tố ảnh hưởng chính của chính sách đối ngoại của một quốc gia. Những thay đổi trong nước như: chế độ chính trị, hệ tư tưởng, đảng cầm quyền, khả năng kinh tế và quân sự, dư luận... quyết định đến mức độ liên tục (kế thừa) và thay đổi (điều chỉnh) trong chính sách đối ngoại. Chính sách đối ngoại của một quốc gia được xem như một phần mở rộng, là cánh tay nối dài của chính trị trong nước. Các nhân tố cấp độ quốc gia tác động rất lớn đến chính sách đối ngoại của một nhà nước, đặc biệt là vai trò của cá nhân lãnh đạo quốc gia, trong trường hợp nghiên cứu này là vai trò của Tổng thống Park Chung Hee. Chính sách đối ngoại là công cụ của một quốc gia nhằm bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia.

2.2.1. Những năm đầu sau khi bán đảo Triều Tiên bị chia cắt

Bán đảo Triều Tiên, vị trí địa lý đã đặt ra khu vực này có một vai trò đặc biệt khó khăn. Nằm trong một khu vực lân cận chiến lược nhưng cũng đầy mối nguy hiểm giữa các cường quốc như Nhật Bản, Nga, Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên đã phải hứng chịu chín trăm cuộc xâm lược lớn nhỏ trong hơn 2000 năm lịch sử (Oberdorfer & Carlin, 2014: 3). Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, bán đảo Triều Tiên được chia thành hai quốc gia dọc theo vĩ tuyến 38 - Hàn Quốc và Triều Tiên.

Tại Hàn Quốc, chính phủ Rhee Seung Man được thành lập trong sự toan tính chính sách đối ngoại của Mỹ sau thế chiến thứ hai. Liên quan đến chính sách đối ngoại và phát triển kinh tế, Rhee Seung Man là nhà lãnh đạo rất hướng nội (Vitor Ramon Fernandes, 2023: 132). Ông theo chủ nghĩa dân tộc và không có nhiều minh chứng cho thấy những nỗ lực quốc tế hoá Hàn Quốc của ông.

Với xuất phát điểm là quốc gia kiệt quệ do chiến tranh, điều kiện tự nhiên gặp nhiều khó khăn, khí hậu cực đoan, đất đai khó canh tác, nên sự tồn tại và hoạt động của chính phủ Rhee Seung Man giai đoạn đầu sau khi bán đảo Triều Tiên bị chia cắt luôn phải dựa vào nguồn viện trợ của Mỹ. Do đó, đường lối đối ngoại của chính quyền Rhee Seung Man có những đặc điểm sau:

Đối với Mỹ, Hàn Quốc luôn coi mối quan hệ với Mỹ là quan hệ chiến lược và sống còn của Hàn Quốc. Mỹ đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập của Đại Hàn Dân Quốc

vào năm 1948. Mỹ cũng đã mang lại cho Hàn Quốc nguồn viện trợ khổng lồ để tiến hành công cuộc tái thiết đất nước. Hàn Quốc cũng dựa vào sự bảo hộ về mặt quân sự của Mỹ. Tuy nhiên, nếu xét về tổng thể thì mối quan hệ này không phải là quan hệ đồng minh mà là quan hệ giữa quốc gia “cho viện trợ” và quốc gia “nhận viện trợ”. Vì thế, chính sách đối ngoại của Hàn Quốc giai đoạn này bị lệ thuộc vào Mỹ (Lê Tùng Lâm, 2020: 135-137).

Đối với các quốc gia đồng minh của Mỹ, trong bối cảnh quan hệ quốc tế căng thẳng, đầu Đông Tây, chính quyền Rhee Seung Man xác định phải nghiêng về phe tư bản chủ nghĩa. Hàn Quốc đã đặt quan hệ ngoại giao với khoảng 23 nước trên thế giới, tuy nhiên các mối quan hệ này còn rất hạn chế (Lê Tùng Lâm, 2020: 137). Rhee Seung Man từ chối thiết lập quan hệ ngoại giao và thương mại với Nhật Bản, mối quan tâm chính của Chính quyền Rhee Seung Man là duy trì sự hỗ trợ của Mỹ đối với Hàn Quốc về an ninh và kinh tế.

Đối với Cộng hòa dân chủ nhân dân (CHDCND) Triều Tiên và các nước xã hội chủ nghĩa, tổng thống Rhee Seung Man có tư tưởng chống cộng rất cực đoan, cùng với việc bị lệ thuộc chính sách đối ngoại của Mỹ, nên giai đoạn đầu này Hàn Quốc không có bất kỳ một mối quan hệ nào với các nước xã hội chủ nghĩa.

Chế độ của Rhee Seung Man cũng khá tham nhũng, điều này đã tạo ra sự bất mãn lớn từ nhân dân Hàn Quốc, đặc biệt là tình trạng kiệt quệ, chậm phục hồi kinh tế sau chiến tranh Triều Tiên. Kết quả là những cuộc biểu tình, phản đối diễn ra, cuối cùng Rhee Seung Man đã từ chức vào năm 1960 (Buzo, 2007: 98).

Nhận định về giai đoạn đầu tiên này, trong bài viết về An ninh quốc gia và quan hệ quốc tế (National Security and International Relations) đăng trên tạp chí Korea Journal (T9/1986), Jhin Dukyu, chuyên gia nghiên cứu về chính trị, ngoại giao của Đại học Nữ Ewha đã nhận định: “Đây là giai đoạn mọi người cố gắng quên đi các tác động tâm lý mà cuộc chiến tranh giữa đồng đồ nát của nó ngay sau khi ngừng bắn. Đó là thời kỳ rất cần sự hỗ trợ từ các nước đồng minh, đặc biệt là Mỹ, và nhận ra một cách cụ thể rằng an ninh quốc gia là một vấn đề sống còn. Đồng thời, đây cũng là thời kỳ mà thay vì củng cố các mối quan hệ quốc tế chặt chẽ hơn vì lợi ích an ninh quốc gia, người ta lại thu mình trong thiết chế có vẻ hoà bình và dựa vào sự phòng thủ của đồng minh nhất định trong bối cảnh chính trị hỗn loạn thời hậu chiến. Đó là thời kỳ các mối quan hệ quốc tế quan trọng được phát triển dựa vào ảnh hưởng của Mỹ, và mối quan hệ chặt chẽ giữa Hàn Quốc - Mỹ đã tạo ra ảo tưởng rằng lợi ích của Mỹ trùng với lợi ích của Hàn Quốc. Không có nỗ lực nào được thực hiện để thiết lập một thể trận an ninh quốc gia của riêng chúng ta, hoặc đa dạng hoá các mối quan hệ quốc tế của chúng ta. Việc mở các cơ quan đại diện ở nước ngoài, chỉ giới hạn ở các quốc gia có mối quan hệ chặt chẽ với Mỹ” (Jhin Dukyu, 1986: 29).

Sau khi Rhee Seung Man từ chức, một chế độ nghị Viện tiếp theo, nền cộng hoà thứ hai dưới thời tổng thống Yun Posun - ủng hộ phương Tây và dân chủ. Tuy nhiên, nhiệm kỳ của tổng thống Posun là một nhiệm kỳ ngắn, từ ngày 13/8/1960 đến ngày 24/3/1962, khi các cuộc biểu tình công khai và tình trạng bất ổn tiếp diễn kéo dài.

2.2.2. Tình hình trong nước khi Park Chung Hee lên nắm quyền

Park Chung Hee lên nắm quyền trong hoàn cảnh đất nước vô cùng khó khăn. Về tổng thể, sau hơn 10 năm tái thiết và xây dựng đất nước, Hàn Quốc vẫn là một quốc gia có nền nông nghiệp lạc hậu, không phát triển, phụ thuộc nặng nề vào viện trợ của Mỹ. Nền kinh tế

đất nước đặc trưng bằng sự nghèo đói kéo dài do sự mất ổn định chính trị, lạm phát kinh niên và không có khả năng đáp ứng những nhu cầu cơ bản của người tiêu dùng (Hoa Hữu Lân, 2002: 54).

Mặc dù Park Chung Hee mong muốn phát triển Hàn Quốc thành một quốc gia độc lập, nhưng thực tế là sự phụ thuộc vào Mỹ thời điểm đó gần như hoàn toàn. Bất kỳ sự rút quân nào của Mỹ khỏi Hàn Quốc vào thời điểm đó đều có khả năng dẫn đến nguy cơ Triều Tiên thôn tính. Trong những năm 1950, viện trợ của Mỹ cho Hàn Quốc chiếm hơn 50% ngân sách quốc gia hàng năm của Chính phủ và khoảng 72% ngân sách quốc phòng (Baek, 1982: 118). Về cơ sở hạ tầng, Mỹ hỗ trợ khoảng 500 chuyên gia tư vấn kinh tế, chịu trách nhiệm kiểm soát hỗ trợ tài chính. Vì sự phụ thuộc này, Mỹ kiểm soát phần lớn chính sách kinh tế của Chính phủ Hàn Quốc (Kim & Baik, 2011: 58). Mặc dù vậy, khả năng của Mỹ trong việc thực thi các chính sách và biện pháp đối với chính phủ Hàn Quốc nhằm đạt được một số mục tiêu cụ thể đã phần nào bị hạn chế do áp lực quốc tế hiện có. Trên thực tế, Mỹ liên tục phải đối mặt với những ưu tiên khác nhau. Một mặt, để bảo vệ Hàn Quốc trước các mối đe dọa từ nước ngoài như một phần của chiến lược ngăn chặn trong chiến tranh lạnh. Mặt khác, mong muốn thúc đẩy các giá trị dân chủ và tự do, liên kết với tiến bộ và phát triển, cũng là mục tiêu rất quan trọng trong việc xác định sự ủng hộ của Mỹ đối với Hàn Quốc (Dueck, 2006: 84).

Trong khi đó, các quan chức Mỹ cũng bắt đầu chỉ trích sự phụ thuộc của Hàn Quốc vào viện trợ của Mỹ, khi nền kinh tế nước này không đạt được nhiều sự phát triển vào những năm 1960. Việc hỗ trợ cho quốc gia mà không thấy bất kỳ khoản đầu tư hữu hình nào trong hơn một thập kỷ đã khiến các nhà hoạch định chính sách Mỹ kiệt sức (Hahm, 1964). Mỹ liên tục có những cảnh báo đưa ra đối với Hàn Quốc về việc rút hỗ trợ khỏi đất nước này nếu không tích cực để đạt được sự độc lập về kinh tế. Chính phủ Mỹ cũng đã có động thái chuyển hướng cắt giảm viện trợ cho các nước thuộc thế giới thứ ba và thành lập các tổ chức cung cấp các khoản vay thay cho viện trợ (Song, 1970).

Hàn Quốc đang ở trong tình trạng đói nghèo cùng cực và việc Mỹ rút viện trợ đồng nghĩa với cái chết vì đói đối với nhiều người dân Hàn Quốc. Đầu tư và viện trợ từ các quốc gia khác là điều kiện tiên quyết cần thiết cho sự tồn tại của Hàn Quốc giai đoạn những năm 1960. Bối cảnh này đã buộc Park Chung Hee phải có những điều chỉnh chính sách đối ngoại và kinh tế của mình, bắt đầu tìm kiếm nguồn hỗ trợ đến các quốc gia khác, trong đó một trong những ưu tiên là bình thường hoá quan hệ với Nhật Bản.

2.3. Nhân tố cá nhân

Park Chung Hee lên nắm quyền vào ngày 16 tháng 5 năm 1961, thông qua một cuộc đảo chính quân sự và sau các nỗ lực dân chủ của Tổng thống Yun Posun (Seth, 2011: 339). Cho đến nay, ông vẫn là một nhân vật gây tranh cãi nhưng là một nhân vật đóng vai trò quan trọng trong lịch sử Hàn Quốc (Podoler, 2016).

2.3.1. Xuất thân và đặc điểm tính cách của Park Chung Hee

Xuất thân và trình độ học vấn của Park Chung Hee rất khác so với Rhee Seung Man. Rhee Seung Man có bằng cử nhân Đại học George Washington, bằng thạc sĩ của Đại học Harvard, bằng tiến sĩ của Đại học Princeton. Còn Park Chung Hee sinh ra trong một gia đình

nông dân nghèo ở tỉnh Gyeongsang, Hàn Quốc. Ông đã trải qua một thời thơ ấu khó khăn và trở thành một nông dân trước khi tham gia quân đội và bước vào sự nghiệp chính trị. Ông học Trường Sư phạm Taegu, sau đó vào Học viện quân sự Manchukuo và phục vụ với tư cách là sĩ quan quân đội trong Quân đội của Đế quốc Nhật Bản (Vitor Ramon Fernandes, 2023: 133). Sau đó ông bị kết án tù chung thân vào năm 1948, được ân xá và giải ngũ sau khi dính líu đến cuộc nổi dậy của quân đội Yosu. Sau đó, ông tham gia quân đội và được phục chức sau khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Đến năm 1961, ông thăng cấp Thiếu tướng.

Trong diễn văn nhậm chức ngày 27 tháng 12 năm 1963, tổng thống Park Chung Hee đã tuyên bố: “Tôi sẽ là một người đầy tớ trung thành của nhân dân, cũng như tôi sẽ đưa quốc gia đi đến tự chủ, độc lập và thịnh vượng” (Shin Bum Shik, 1980: 285).

Trong 4 nhiệm kỳ tổng thống, Park Chung Hee được miêu tả là một người kiên nhẫn, quyết đoán và tận tâm với công việc. Ông có khả năng lãnh đạo mạnh mẽ và quyết tâm thúc đẩy sự phát triển kinh tế và công nghiệp của Hàn Quốc. Tuy nhiên, ông bị chỉ trích là một nhà độc tài. Ông đàn áp các cuộc biểu tình và phong trào dân chủ, hạn chế tự do ngôn luận và đàn áp các nhóm đối lập.

2.3.2. Phong cách lãnh đạo và sự nghiệp chính trị

Về phong cách lãnh đạo, Park Chung Hee được biết đến với phong cách lãnh đạo quyết đoán và kiên quyết. Ông có khả năng ra quyết định nhanh chóng và thực hiện các biện pháp mạnh mẽ để đạt được mục tiêu của mình. Ông không do dự khi đối mặt với những thách thức và thường áp dụng các biện pháp quyền lực để duy trì sự ổn định và quyền lực của mình.

Về quan điểm chính trị, mặc dù Park Chung Hee tự coi mình là một nhà dân chủ, nhưng ông không phải một nhà tự do, cũng không phải một nhà dân chủ. Trên thực tế, ông ủng hộ sự tập trung quyền lực quá mức ở cấp tổng thống và cho rằng hệ thống tự do và dân chủ dẫn đến sự phân mảnh xã hội (Moon & Jun, 2011: 125).

Park Chung Hee thường xuyên so sánh nhiệm kỳ tổng thống Rhee Seung Man với một hệ thống dân chủ và tham nhũng, bất tài và gây chia rẽ, không có khả năng giải quyết các thách thức bên ngoài mà Hàn Quốc phải đối mặt. Ông coi Rhee Seung Man là một nhà độc tài đã làm suy yếu Hàn Quốc trong suốt 12 năm làm tổng thống (Hee, 1970: 166). Thay vào đó, ông hướng đến mục tiêu xây dựng một Hàn Quốc tự cường, tự cung tự cấp, độc lập với các quốc gia khác. Theo quan điểm của ông, Hàn Quốc cần phải quyết đoán hơn trong lĩnh vực quốc tế và có thể tự chủ, tự tin hơn. Trong tác phẩm của mình, ông tuyên bố rằng: “Điều hối tiếc sâu sắc là mặc dù chịu đựng nhiều khổ đau chồng chất, chúng ta chưa từng một lần thực hiện một chuyến du ngoạn nước ngoài...” (Hee, 1970: 166).

Về tầm nhìn phát triển, Park Chung Hee có tầm nhìn dài hạn cho sự phát triển quốc gia. Ông quan tâm đến việc nâng cao địa vị quốc gia và tăng cường vai trò của Hàn Quốc trong khu vực và trên thế giới. Ông thực hiện các chính sách đối ngoại để tăng cường an ninh quốc gia và xây dựng quan hệ đối tác với các quốc gia khác. Ông thúc đẩy chính sách công nghiệp hóa và xuất khẩu, đồng thời tập trung vào giáo dục và phát triển nhân lực để nâng cao địa vị quốc gia. Ông cũng thực hiện các biện pháp quân sự mạnh mẽ nhằm đảm bảo an ninh quốc gia. Trong hoàn cảnh đất nước lâm vào khủng hoảng trầm trọng, Park Chung Hee

cho rằng: “Nhân dân châu Á sợ hãi đói nghèo hơn là sợ chế độ độc tài..., và thứ ngọc thiếu ánh sáng được gọi là chế độ dân chủ thì vô nghĩa đối với người dân đang chết đói và tuyệt vọng” (Michael Keon, 1977: 106).

Như vậy, phong cách lãnh đạo và tầm nhìn phát triển của Park Chung Hee là một phần trong sức mạnh ngoại giao của Hàn Quốc giai đoạn 1963-1979, đưa Hàn Quốc trở thành một quốc gia phát triển kinh tế vượt bậc chỉ sau hơn chục năm ông lãnh đạo.

2.4. Nhận xét, đánh giá

Từ những phân tích trên có thể thấy, Tổng thống Park Chung Hee lên nắm quyền và điều hành đất nước Hàn Quốc giai đoạn 1963-1979 trong bối cảnh quốc tế, khu vực cũng như trong nước đầy biến đổi, thách thức.

Thứ nhất, những căng thẳng, chạy đua vũ trang, Chiến tranh Lạnh cùng mâu thuẫn Đông - Tây vẫn là đặc điểm điển hình của quan hệ quốc tế trong giai đoạn này. Trong bối cảnh đó, chính quyền của Tổng thống Park Chung Hee xác định nhiệm vụ đầu tiên của Hàn Quốc là giữ vững an ninh quốc gia, chống lại sự xâm lược từ bên ngoài. Đây là mục tiêu đối ngoại quan trọng nhất, tuy nhiên cũng không phải là nhiệm vụ dễ dàng trước những thách thức lớn mà Hàn Quốc đang phải đối mặt, đó là những nguy cơ chiến tranh từ Triều Tiên, sự cắt giảm viện trợ từ phía Mỹ và những điều chỉnh chính sách của Mỹ tại khu vực châu Á.

Thứ hai, tình hình trong nước cũng đối diện nhiều thách thức, chính trị không ổn định, nền kinh tế kiệt quệ, đời sống nhân dân khó khăn. Đối mặt với thực trạng đó, Hàn Quốc đã đặt ưu tiên nhiệm vụ thứ hai là tăng cường sức mạnh của quốc gia, phục hồi và phát triển kinh tế của Hàn Quốc sau cuộc chiến tranh Triều Tiên. Để thực hiện mục tiêu này, một mặt Hàn Quốc tiếp tục duy trì mối quan hệ đồng minh của Mỹ để duy trì sự hỗ trợ và cam kết về kinh tế, quân sự cho Hàn Quốc. Mặt khác, Hàn Quốc tập trung vào việc phát triển nền kinh tế, công nghiệp và quân đội để nâng cao sức mạnh quốc gia. Qua việc tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và thúc đẩy sự phát triển kinh tế, Hàn Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc nâng cao đời sống và vị thế quốc tế của mình.

Thứ ba, những thay đổi lớn đã diễn ra liên tiếp trên thế giới, bao gồm những diễn biến mới trong quan hệ Mỹ - Trung Quốc và Mỹ - Liên Xô, những chuyển đổi của nền kinh tế thế giới, sự gia tăng tầm quan trọng tương đối của các vấn đề kinh tế quốc tế với sự gia tăng phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia là những nhân tố không thể bỏ qua với những tác động lớn đối với việc hoạch định chính sách đối ngoại của Hàn Quốc. Do đó, Hàn Quốc xác định nhiệm vụ đối ngoại quan trọng tiếp theo là mở rộng thương mại và ảnh hưởng quốc tế của Hàn Quốc. Song song với việc tăng cường sức mạnh nội lực của quốc gia, việc tìm kiếm, mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các cường quốc lớn sẽ đem lại những lợi ích cả kinh tế và an ninh cho Hàn Quốc. Theo đó, chính quyền Park Chung Hee đã nỗ lực thúc đẩy quá trình bình thường hoá quan hệ với Nhật Bản; Mở rộng quan hệ ngoại giao và thương mại với các quốc gia thế giới thứ ba. Qua việc thúc đẩy quan hệ thương mại và hợp tác kinh tế với các quốc gia khác, Hàn Quốc đã mở rộng mạng lưới quan hệ quốc tế của mình. Điều này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn giúp tăng cường vị thế và tầm ảnh hưởng quốc tế của Hàn Quốc trong cộng đồng quốc tế.

Thứ tư, trong bối cảnh chia cắt hai miền trên bán đảo Triều Tiên, rõ ràng Hàn Quốc không thể đi đến sự thống nhất hai miền bằng biện pháp quân sự. Hàn Quốc đã đưa ra những nỗ lực và chính sách nhằm thúc đẩy sự đối thoại và hợp tác với Bắc Triều Tiên, nhằm tạo điều kiện cho việc giải quyết cuộc chia cắt lịch sử và thống nhất đất nước. Và do đó, một trong những nhiệm vụ đối ngoại quan trọng của Hàn Quốc được xác định là thống nhất đất nước bị chia cắt.

Tựu chung lại, lịch sử dân tộc đã để lại cho không chỉ Hàn Quốc mà cả đối với các quốc gia có đặc điểm, điều kiện tương đồng khác một bài học xương máu trong việc đánh giá bối cảnh tác động, hoạch định chính sách đối ngoại phù hợp, linh hoạt, nhạy bén, tận dụng những cơ hội trong và ngoài nước để phát triển, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế. Bài học về việc tự nắm giữ vận mệnh, tự quyết định số phận để không trở thành “quân bài” chiến lược trong bàn cờ chính trị của các siêu cường. Ý thức này thúc giục Hàn Quốc nỗ lực gia tăng ảnh hưởng của mình ngay tại khu vực thay vì dựa dẫm vào “cái bóng” của các thế lực bên ngoài. Đây là cơ sở thực tiễn luận giải cho bước chuyển hướng chiến lược của Hàn Quốc sang đa nguyên hóa đường lối ngoại giao, tích cực theo đuổi chính sách độc lập, tự chủ. Bài học từ thời kỳ này cũng cung cấp các góc nhìn quan trọng về tiền đề xây dựng và thực hiện chính sách đối ngoại hiệu quả trong môi trường quốc tế và trong nước phức tạp, nhiều diễn biến mới như hiện nay.

3. Kết luận

Bài viết đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Chính quyền Park Chung Hee trong 04 nhiệm kỳ tổng thống của ông (1963-1979). Từ những phân tích trên cho thấy, bối cảnh quốc tế, những căng thẳng của Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ - Liên Xô, cuộc chạy đua vũ trang giữa các siêu cường, xu hướng hình thành trật tự thế giới mới, những khó khăn bối cảnh kinh tế, chính trị trong nước, sự lệ thuộc lớn vào Mỹ, và vai trò, tầm nhìn chiến lược của người lãnh đạo đất nước Park Chung Hee là những nhân tố vừa có tính điều kiện vừa là nhân tố có tính nguyên nhân đối với những lựa chọn chính sách đối ngoại của Hàn Quốc trong giai đoạn này. Từ đó có thể thấy, chính sách đối ngoại của Hàn Quốc ở cấp độ hệ thống là tạo ra một môi trường an ninh và phát triển kinh tế cho Hàn Quốc, mở rộng thương mại và ảnh hưởng quốc tế, tăng cường quan hệ đối tác với các quốc gia khác, nâng cao vị thế của Hàn Quốc trên trường quốc tế. Ở cấp độ quốc gia là giữ vững an ninh quốc gia chống lại sự xâm lược bên ngoài, tập trung phát triển kinh tế, xây dựng nền tảng vững chắc cho đất nước, tăng cường sức mạnh quốc gia, hướng tới mục tiêu thống nhất đất nước bị chia cắt.

Tài liệu tham khảo

- Astri Suhrke. (1973). *Gratuity or Tyranny: The Korean Alliances*, *World Politics*, 4 (25), 508-532.
- Baek, K. (1982). The U.S.-ROK Security Relationship within the Conceptual Framework of a Great and Smaller Power Alliance, *Journal of East and West Studies*, 6, 118.
- Buzo, A. (2007). *The Making of Modern Korea*. London and New York: Routledge.
- Dueck, C. (2006). *Reluctant Crusaders. Power, Culture, and Change in American Grand Strategy*. Princeton and Oxford: Princeton University Press.
- Hahm, Pyongchoon. (1964). *Korea's 'Mendicant Mentality'?*. Foreign Affairs.

- Hee, P. (1970). *Our Nations's Path: Ideology of Social Reconstruction*. Seoul: Hollym.
- History.com Editors, *The Nixon Doctrine is announced*. <https://www.history.com/>
- Hoa Hữu Lân. (2002). *Hàn Quốc - Câu chuyện kinh tế về một con rồng*. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Jhin Dukyu. (1986). National Security and International Relations, *Korea Journal*.
- Kim, T. and Baik, C. (2011). "Taming and Tamed by the United States". In Kim, B. and Vogel, E., (Eds), *The Park Chung Hee Era: The Transformation of South Korea*. Cambridge, Mass.: Harvard University Press.
- Lê Tùng Lâm. (2020). *Hàn Quốc dưới chế độ độc tài phát triển Park Chung Hee (1961-1979)*. Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Michael Keon. (1977). *Korea Phoenix: A nation from the Ashes*. Englewood Cliffs: Prentice – Hall - International.
- Ministry of Foreign Affairs Japan. (1972). *Diplomatic Bluebook for 1971*, Japan reference series, N.1-72.
- Moon, C. and Jun, B. (2011). "Modernization Strategy: Ideas and Influences". In Kim, B. and Vogel, E., (Eds), *The Park Chung Hee Era: The Transformation of South Korea*. Cambridge, Mass.: Harvard University Press.
- Oberdorfer, D. and Carlin, R. (2014). *The Two Koreas: A Contemporary History*. New York: Basic Books.
- Podoler, G. (2016). "Who Was Park Chung-hee?" The Memorial Landscape and National Identity Politics in South Korea, *East Asia*, 33, 271-288.
- Sandler, S. (1999). *The Korean War: No Victors, No Vanquished*. London: Taylor and Francis Group.
- Seth, M. (2011). *A History of Korea: From Antiquity to the Present*. Lanham: Rowman & Littlefield Publishers, Inc.
- Shin Bum Shik. (1980). *Major speeches by Park Chung Hee*. Seoul Korea: Hollyon Corporation.
- Song, Geonyoung. (1970). *The transition of United States' aid policy and economic aid towards South Korea*. Korea: Korean Industrial Bank.
- Vítor Ramon Fernandes. (2023). South Korean Foreign Policy Under Syngman Rhee and Park Chung Hee: Contrasting Strategies Under Similar Structural constraints, *Journal of International Relations*, 14 (01), 125 - 137.